

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 12- 6- 2024
V/v: Tranh chấp thừa kế tài
sản, chia tài sản chung và công
nhận Hợp đồng tặng cho

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường.

Ông Đoàn Trung Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS, ngày 17- 02- 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản, chia tài sản chung và công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS, ngày 27- 5- 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; là đại diện theo ủy quyền; "có mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị B - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T1, tỉnh Nam Định; "có mặt".

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc N, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị T (là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn).

2. Chị Phạm Thị S, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

3. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

4. Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

5. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị S, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và anh Phạm Văn V: Chị Phạm Thị T (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nêu trên); là đại diện theo ủy quyền; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện cùng lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn bà Đỗ Thị Y trình bày:

Bà Đỗ Thị Y và chồng là ông Phạm Văn B1 (tên gọi khác Phạm Ngọc B2) có tài sản chung là thửa đất số 220, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã H, địa chỉ tại xóm H (Xóm A cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định, diện tích 870m², trong đó diện tích đất ở là 270m², đất vườn là 340m², ao là 260m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05- 12- 1997; công trình xây dựng có 01 ngôi nhà mái bằng 04 gian xây dựng năm 1980. Bà Y và ông B2 có 06 người con chung là Phạm Thị S, Phạm Ngọc N, Phạm Thị T, Phạm Thị H, Phạm Thị H1 và Phạm Văn V; ông bà không có con nuôi. Năm 2010, ông B2 chết không để lại di chúc. Trên đất có bà Y, anh N, chị H1, chị T sinh sống, có nhà ở riêng. Bà Y có nguyện vọng muốn phân chia quyền sử dụng đất để các con yên tâm sử dụng nhưng anh N không nhất trí.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của bà và ông B2, bà có 1/2 thửa đất, chia di sản của ông B2 theo quy định pháp luật. Bà Đỗ Thị Y, chị Phạm Thị S, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và anh Phạm Văn V đã thống nhất: Bà Y tặng cho quyền sử dụng đất của mình trong khối tài sản chung $870\text{m}^2/2 = 435\text{m}^2$ và diện tích đất được hưởng thừa kế từ ông B2 khoảng 62,14m² cho chị T diện tích đất khoảng 161,45m², anh V diện tích đất khoảng 319,85m² và chị H1 khoảng diện tích đất 15,85m²; chị Phạm Thị S nhường quyền hưởng di sản cho chị T diện tích đất khoảng 62,14m²; chị Phạm Thị H nhường quyền hưởng di sản cho chị T, chị H1 mỗi người diện tích khoảng 31,07m²; cắt chia đất cụ thể: Chị T được chia 02 phần đất, phần thứ nhất ở phía Đ, vị trí có nhà chị T, diện tích 201,8m²; phần thứ hai ở phía Đông Bắc, giáp đường và ngõ đi chung, có diện tích 115m²; chị H được chia phần đất có nhà của chị đã xây và nhà phụ của anh V diện tích 109m²; anh V được chia phần đất có nhà của bà Y có chiều mặt đường 13,3m, diện tích 382m²; phần anh N được hưởng giáp nhà của anh N sao cho đủ phần đất thừa kế của ông B2 là khoảng 61,15m². Anh chị em không phải thanh toán chênh

lệch tài sản cho nhau và có trách nhiệm tháo dỡ nhà trên đất khi ảnh hưởng đến việc phân chia đất.

Bị đơn anh Phạm Ngọc N trình bày: Anh thống nhất với nguyên đơn về nguồn gốc và quyền sử dụng thửa đất có diện tích 870m² bà Y yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung. Anh mong muốn sử dụng phần đất bố anh để lại làm nơi thờ cúng. Nay bà Y đề nghị chia thửa đất, anh đề nghị chia theo quy định pháp luật, anh nhận phần thừa kế đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T, Phạm Thị S, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và anh Phạm Văn V: Điều thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, uỷ quyền cho chị Phạm Thị T tham gia tố tụng và quyết định mọi quyền lợi liên quan đến thửa đất tranh chấp.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã H cho thấy: Về thành phần gia đình của ông Phạm Văn B1, bà Đỗ Thị Y, thời điểm chết của ông B1; tài sản chung của ông B1, bà Y phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Kết quả đo đạc thửa đất tranh chấp có diện tích 870m². Công trình trên đất: Của vợ chồng bà Y có một ngôi nhà xây 1 nhà mái bằng diện tích khoảng 61m²; của anh V có 01 nhà phụ, 01 bể nước, nhà vệ sinh. Công trình của chị T, chị H1 đều có 01 nhà mái tôn công trình phụ khép kín. Trên đất còn một số cây ăn quả nhỏ. Thửa đất đã được xây tường bao các cạnh giáp đường và một phần tường giáp đất anh N.

Giá trị quyền sử dụng tài sản tranh chấp: 2.500.000 đồng/m² đất ở; 800.000đồng/m² đất ao, vườn. Các đương sự không yêu cầu định giá công trình xây dựng của bà Y đang sử dụng, cũng như các công trình tài sản khác có trên đất (do phía nguyên đơn xác định sẽ tháo dỡ khi chia đất).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y; xác định di sản thừa kế của ông Phạm Văn B1 để lại là ½ diện tích đất 870m²; ghi nhận việc tặng cho và nhường quyền hưởng thừa kế của bà Đỗ Thị Y, chị Phạm Thị S và chị Phạm Thị H; chia cho chị T diện tích đất 316,8m², trong đó có 02 phần: Phần đất có diện tích 201,8m² và phần đất có diện tích 115m²; anh N phần diện tích đất 62,2m²; anh V phần diện tích đất 382m²; chị H1 phần diện tích đất 109m². Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Văn B1 (tên gọi khác Phạm Ngọc B2), chết năm 2010 và bà Đỗ Thị Y là vợ chồng, có tài sản chung là thửa đất số 220, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã H, địa chỉ: xóm H (Xóm A cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định, diện tích 870m²; trong đó diện tích đất ở là 270m² trị giá 675.000.000 đồng, đất vườn là 340m² trị giá 272.000.000 đồng, đất ao là 260m² trị giá 208.000.000 đồng; tổng trị giá 1.155.000.000 đồng. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số M202835, ngày 05- 12- 1997, đứng tên hộ ông Phạm Văn B1. Ngoài ra, tài sản chung của ông B1, bà Y có 01 nhà mái bằng 01 tầng xây dựng từ năm 1980, không xác định giá trị, phía nguyên đơn yêu cầu tháo dỡ khi phân chia.

[2] Ông Phạm Văn B1 và bà Đỗ Thị Y là vợ chồng nên xác định mỗi người được quyền sử dụng có 1/2 thửa đất nêu trên, di sản của ông B1 có diện tích đất 435m² có trị giá 577.500.000 đồng, 435m² đất còn lại có trị giá 577.500.000 đồng thuộc quyền sử dụng của bà Đỗ Thị Y là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn B1 có vợ là bà Đỗ Thị Y và 06 con gồm Phạm Thị S, Phạm Ngọc N, Phạm Thị T, Phạm Thị H, Phạm Thị H1 và Phạm Văn V. Ông Phạm Văn B1 không có di chúc nên theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về việc chia thừa kế, di sản của ông B1 (435m² đất có trị giá 577.500.000 đồng) được chia thành 07 kỷ phần (phần thừa kế) cho bà Đỗ Thị Y, chị Phạm Thị S, anh Phạm Ngọc N, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và anh Phạm Văn V, mỗi kỷ phần được hưởng diện tích đất 62,14m² có giá trị 82.500.000 đồng.

[4] Bà Đỗ Thị Y yêu cầu cho toàn bộ 435m² đất trong khối tài sản chung và khoảng 62,14m² đất được hưởng thừa kế từ ông B1 cho: Chị T diện tích đất khoảng 161,45m², anh V diện tích đất khoảng 319,85m² và chị H1 khoảng diện tích đất khoảng 15,85m². Chị Phạm Thị S nhường quyền hưởng di sản cho chị T diện tích đất khoảng 62,14m². Chị Phạm Thị H nhường quyền hưởng di sản cho chị T, chị H1 mỗi người diện tích khoảng 31,07m². Việc tặng cho, nhường quyền thừa kế này hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định pháp luật nên đủ cơ sở công nhận.

[5] Căn cứ nguyện vọng của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chia đất cụ thể như sau: Chia cho chị T diện tích đất 316,8m², trong đó có 02 phần: Phần đất có diện tích 201,8m² và phần đất có diện tích 115m²; anh N phần diện tích đất 62,2m²; anh V phần diện tích đất 382m²; chị H1 phần diện tích đất 109m².

[6] Diện tích đất theo mục đích sử dụng là đất ở, đất vườn và đất ao của các phần đất trên sẽ được tính theo tỷ lệ diện tích đất mà mỗi đương sự được hưởng trên diện tích đất ở, đất vườn, đất ao có trong thửa đất lần lượt là đất ở là 270m², đất vườn là 340m² và đất ao là 260m² là phù hợp. Do đó: Trong phần diện tích 201,8m² của chị T được chia có 62,2m² đất ở, 78,9m² đất vườn và 60,3m² đất ao; phần diện tích 115m² của chị T được chia có 35,8m² đất ở, 44,9m² đất vườn và 34,3m² đất ao. Trong 62,2m² đất anh N được chia có 19,3m² đất ở, 24,3m² đất vườn và 18,6m² đất

ao. Trong 382m² đất anh V được chia có 118,5m² đất ở, 149,3m² đất vườn và 114,2m² đất ao. Trong 109m² đất chị H1 được chia có 33,8m² đất ở, 42,6m² đất vườn và 32,6m² đất ao.

[7] Trên cơ sở tự nguyện tặng cho, nhường quyền thừa kế và phân chia như trên, các bên không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

[8] Đối ngôi nhà mái bằng của vợ chồng bà Y, ông B1 được xây dựng từ khoảng hơn 40 năm, các đương sự xác định giá trị không lớn và sẽ tháo dỡ khi cắt chia đất. Vì vậy, Tòa án không xem xét phân chia chung, các đương sự có trách nhiệm tháo dỡ khi phân chia tài sản.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo giá trị phân tài sản được thừa kế và được chia trong khối tài sản chung theo quy định pháp luật. Bà Đỗ Thị Y là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điều 612, Điều 613, khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Y về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn B1;

* Xác định tài sản chung của bà Đỗ Thị Y và ông Phạm Văn B1 có thửa đất diện tích 870m² tại xóm H (trước đây là xóm A), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; trong đó diện tích đất ở là 270m² trị giá 675.000.000 đồng, đất vườn là 340m² trị giá 272.000.000 đồng, đất ao là 260m² trị giá 208.000.000 đồng; tổng trị giá 1.155.000.000 đồng; được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M202835, ngày 05- 12- 1997.

* Bà Đỗ Thị Y được chia quyền sử dụng 435m² đất; 435m² đất còn lại của thửa đất là di sản của ông Phạm Văn B1 được chia thừa kế theo pháp luật cho bà Đỗ Thị Y, chị Phạm Thị S, anh Phạm Ngọc N, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và anh Phạm Văn V.

* Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cụ thể bà Đỗ Thị Yên t cho và nhường quyền thừa kế di sản của ông Phạm Văn B1, tổng cộng cho: Chị Phạm Thị T diện tích đất khoảng 161,45m², anh Phạm Văn V diện tích đất khoảng 319,85m² và chị Phạm Thị H1 khoảng diện tích đất khoảng 15,85m². Công nhận sự tự nguyện của Phạm Thị H nhường quyền thừa kế di sản của ông Phạm Văn B1 cho chị Phạm Thị T và chị Phạm Thị H1 mỗi người diện tích đất 31,07m². Công nhận sự tự nguyện của Phạm Thị S nhường quyền thừa kế di sản của ông Phạm Văn B1 cho chị Phạm Thị T diện tích đất khoảng 62,14m².

* Chia theo hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho Phạm Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 316,8m²; trong đó có 02 phần:

+ Phần đất có diện tích 201,8m² đất có 62,2m² đất ở, 78,9m² đất vườn và 60,3m² đất ao; có cạnh đất giáp đất ông C ranh giới theo chân móng tường nhà chị T dài 19,2m; cạnh giáp đất ngõ của ông C, chạy theo mép tường bao hộ ông C dài 10,8m; cạnh giáp nhà chị H1 và phần đất chia cho anh V dài lần lượt 6m và 13,9m; cạnh giáp đất chia cho anh N dài 10,8m.

+ Phần đất có diện tích 115m² có 35,8m² đất ở, 44,9m² đất vườn và 34,3m² đất ao; có cạnh giáp đất chia cho chị H1 dài 8,1m; cạnh đất giáp ngõ dài lần lượt 15,5m và 1,2m; cạnh đất giáp đường (theo mép tường bao) dài 7m; cạnh giáp đất chia cho anh V dài 16,2m.

- Chia cho anh Phạm Văn N1 được quyền sử dụng diện tích đất 62,2m² trong đó có 19,3m² đất ở, 24,3m² đất vườn và 18,6m² đất ao; có các cạnh đất: Cạnh giáp đất ông C dài 1,6m, cạnh giáp đất chia cho chị T, anh V lần lượt dài 10,8m và 27,6m; cạnh giáp đường (theo mép tường bao) dài 1,6m; cạnh giáp đất thuộc quyền sử dụng của anh N1 dài 38m

- Chia cho anh Phạm Văn V được quyền sử dụng diện tích đất 382m²; trong đó có 118,5m² đất ở, 149,3m² đất vườn và 114,2m² đất ao; có cạnh giáp đất ông C dài 1,6m, cạnh giáp đất chia cho chị T dài 13,9m; cạnh giáp đất chia cho chị H1 và chị T dài lần lượt 15,4m, 1,1m và 16,2m; cạnh giáp đường dài 13,3m; cạnh giáp đất chia cho anh N1 dài 27,6m.

- Chia cho chị Phạm Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất 109m², có 33,8m² đất ở, 42,6m² đất vườn và 32,6m² đất ao; có các cạnh đất: Cạnh giáp đất chia cho chị T dài 6m (theo mép móng ngoài móng tường nhà chị H1); cạnh giáp ngõ dài 15,6m chạy theo mép ngoài tường bao của hộ ông C; cạnh giáp đất chia cho chị T, anh V dài 7m và 1,1m (ở phía Nam); cạnh giáp đất chia cho anh V dài 15,4m.

(Có sơ đồ kèm theo).

* Các đương sự có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng có ảnh hưởng khi phân chia đất và liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo Bản án này. Chị Phạm Thị T có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Căn cứ vào các Điều 12, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên miễn án phí cho bà Đỗ Thị Y;

Buộc chị Phạm Thị S, anh Phạm Ngọc N, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và anh Phạm Văn V mỗi người phải nộp 4.125.000 (bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 07 bản.
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản
- Lưu hồ sơ vụ án: 02 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên